

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÚK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 02 - 2022

V/v Tranh chấp xin ly hôn, về  
con chung và nghĩa vụ cấp  
dưỡng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Công Đạt.

2. Bà Lê Thị Thúy Diễm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:***  
Ông Y Đum Kpă - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc *Tranh chấp xin ly hôn, về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị H L Niê, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Y D Mlô, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

*Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Y K Niê, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Ông Y Kh Mlô;

Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Anh Y Th, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Buôn E1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Anh Y B Mlô; anh Y Th1 Mlô.

Cùng địa chỉ: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – đều vắng mặt

- Ông Niê D1, sinh năm 1959; ông Y H L1 Mlô (E P), sinh năm 1956;  
Cùng địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Anh Y Kl Mlô, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người phiên dịch cho bị đơn: Ông Y M Niê.

Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo Đơn khởi kiện ngày 15/7/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị H L Niê trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị H L và anh Y D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K vào ngày 25/02/2001. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, cũng có một số mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Khoảng từ năm 2018 đến nay vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, quan điểm trái ngược nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các vấn đề về kinh tế, làm ăn, chăm sóc, nuôi dưỡng con, anh Y D hay ghen tuông vô cớ, có hành vi bạo lực đối với chị H L như đe dọa, bóp cổ, chửi bới. Anh Y D không lo làm ăn, thường xuyên vắng nhà, không chăm lo cuộc sống gia đình. Sự việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung. Trong các lần hòa giải có hai lần lập biên bản, biên bản hòa giải lần I chị H L không còn giữ lại bản nào nên không cung cấp được cho Tòa án, còn biên bản giải quyết nội bộ lần 2 chị H L đã có nộp cho Tòa án. Thực tế từ khoảng cuối năm 2020 đã ly thân, anh Y D về nhà cha mẹ đẻ sinh sống, từ đó đến nay cũng không nói chuyện, trao đổi, quan tâm chăm sóc nhau, các công việc gia đình, chăm sóc con đều do chị H L thực hiện. Chị H L thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với anh Y D, không thể tiếp tục chung sống nên chị H L kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Y D Mlô.

*Về con chung:* Có 03 con chung, đôi với con chung là Y Th2 Niê, sinh ngày 24/6/2001 đã đủ 18 tuổi, chị H L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là H L2 Niê, sinh ngày 23/11/2009 và Y Tr Niê, sinh ngày 06/3/2016 đến khi các con đủ 18 tuổi.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Chị H L yêu cầu anh Y D Mlô phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng (tương ứng mỗi người con 750.000 đồng/tháng), cấp dưỡng kể từ tháng 3/2022 đến khi các con đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị H L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Y D Mlô quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa đã trình bày ý kiến:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị H L Niê kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống, từ khi kết hôn đến thời gian gần đây thì vợ chồng vẫn chung sống bình thường, hòa thuận, khoảng từ năm 2018 cho đến nay thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hay cãi nhau, do không cùng quan điểm, suy nghĩ, chị H L không chịu nói chuyện, trao đổi với anh Y D, lúc tức giận anh Y D cũng có dọa đánh vì chị H L bỏ nhà đi, anh Y D có đi tìm nhưng thực tế anh Y D chưa bao giờ đánh chị H L. Anh Y D vẫn lo đi làm nhưng chị H L vẫn không vừa lòng, chị H L đi khỏi nhà có khi 02 đến 03 ngày, anh Y D đi tìm cũng không được, chị H L cũng chặn số điện thoại, không liên lạc được. Thực tế thì chị H L cũng không quan tâm đến chồng, từ khoảng tháng 01/2021 đến nay thì anh Y D và chị H L đã ly thân không sống chung nhà, anh Y D về nhà bố mẹ đẻ ở cùng Buôn T, xã C, huyện K sinh sống. Hai bên gia đình nội ngoại đã hòa giải 02 lần cho hai vợ chồng, nhưng chị H L vẫn xin ly hôn thì anh Y D không đồng ý. Tại phiên tòa anh Y D Mlô cũng thừa nhận lý do không đồng ý ly hôn là vì giữa hai bên còn vấn đề tài sản chưa giải quyết, thực tế tình cảm vợ chồng cũng không còn.

*Về con chung:* Có 03 người con chung là Y Th2 Niê, sinh ngày 24/6/2001, hiện nay con đã đủ 18 tuổi, anh Y D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con là H L2 Niê, sinh ngày 23/11/2009 và Y Tr Niê, sinh ngày 06/3/2016 hiện chưa đủ 18 tuổi, chị H L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi các con đủ 18 tuổi, anh Y D cho rằng theo phong tục người Êđê, do chị H L xin ly hôn thì chị H L sẽ nuôi con nên anh đồng ý giao 02 con cho chị H L trực tiếp nuôi dưỡng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Y D không đồng ý cấp dưỡng cho 02 con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng (tương ứng mỗi người con 750.000 đồng/tháng), cấp dưỡng kể từ tháng 3/2022 đến khi các con đủ 18 tuổi vì chị H L là người xin ly hôn, con giao cho chị H L nuôi dưỡng thì chị H L phải chịu trách nhiệm nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Y D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Người làm chứng ông Y K Niê trình bày:*** Tôi là buôn trưởng Buôn TL2, xã C từ năm 1999 cho đến nay, tôi cũng là bác họ của chị H L, quá trình anh Y D và chị H L sinh sống tại Buôn TL2 cũng có xảy ra mâu thuẫn, thường hay cãi vã là có thật, đại diện hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải, động viên, giải quyết theo phong tục nhưng hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung, thực tế vợ chồng đã

không sống chung nhà từ đầu năm 2021 đến nay, quá trình hai bên hòa giải tôi có tham gia và biết về tình hình mâu thuẫn của hai bên đã kéo dài từ lâu, khi hai bên cãi nhau thì anh Y D có dùng dao đe dọa chị H L.

**Người làm chứng ông Y Kh Mlô trình bày:** Tôi là anh họ của anh Y D, quá trình chung sống của vợ chồng có mâu thuẫn tình cảm, cãi nhau là có thật, khi họ hàng hai bên hòa giải cho vợ chồng, tôi không biết họ mâu thuẫn ở mức độ nào nhưng theo tôi thì việc ly hôn là do hai bên tự quyết định, tôi có tham gia vào việc hòa giải mâu thuẫn của chị H L, anh Y D nhưng hai bên không thống nhất được việc giải quyết mâu thuẫn.

**Người làm chứng anh Y Th Mlô trình bày:** Tôi là em họ anh Y D, theo tôi thì hai vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, dù được hòa giải nhưng anh, chị vẫn không thể hòa giải, không thống nhất được, tại cuộc họp hai bên gia đình khi giải quyết mâu thuẫn của anh, chị tôi có mặt nhưng không ký vào biên bản.

**Người làm chứng anh Y B Mlô, quá trình giải quyết vụ án đã trình bày:** Tôi có quan hệ là anh họ anh Y D, khi vợ chồng chị H L và anh Y D xảy ra mâu thuẫn tình cảm thì hai bên gia đình có mặt để hòa giải vào ngày 06/6/2021, tại buổi hòa giải tôi có mặt, có ký vào biên bản giải quyết nội bộ (lần II), dù được hòa giải nhưng hai bên cũng không hòa giải được, không tìm được tiếng nói chung do còn nhiều mâu thuẫn, chị H L không muốn tiếp tục chung sống, muốn được ly hôn nhưng anh Y D không đồng ý ly hôn. Thực tế trước lần hòa giải ngày 06/6/2021 thì hai bên gia đình cũng đã hòa giải cho vợ chồng chị H L và anh Y D một lần, thời gian tôi không nhớ rõ nhưng cách lần hòa giải thứ 2 khoảng 3 tháng, nhưng chị H L và anh Y D cũng không tìm được tiếng nói chung, tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên mới tiếp tục hòa giải lần hai vào ngày 06/6/2021. Theo tôi thì vợ chồng anh Y D và chị H L có mâu thuẫn tình cảm, nhưng mâu thuẫn càng nhiều hơn khi chị H L làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng, mâu thuẫn hai vợ chồng theo tôi thấy cũng thường xuyên, kéo dài, nhất là sau khi họ xây nhà xong, hai vợ chồng không hạnh phúc.

**Người làm chứng anh Y Th1 Mlô, quá trình giải quyết vụ án đã trình bày:**

Tôi có quan hệ là họ hàng với anh Y D, tôi là Bí thư buôn TL2, xã C, huyện K. Khi vợ chồng chị H L và anh Y D xảy ra mâu thuẫn tình cảm thì hai bên gia đình có mặt để hòa giải vào ngày 06/6/2021. Tại buổi hòa giải tôi có mặt và tôi làm thư ký viết biên bản giải quyết nội bộ (lần II). Tôi có nghe nói vợ chồng anh Y D và chị H L có mâu thuẫn với nhau, nên mời hai bên gia đình hòa giải cho anh, chị. Tại buổi hòa giải đã ghi ý kiến của các bên, nhưng các bên không thống nhất được việc giải quyết mâu thuẫn, theo tôi được biết thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y D hay ghen, dẫn đến vợ chồng cãi vã, còn mức độ mâu thuẫn có trầm trọng hay không

thì tôi không thể đánh giá, thực tế thì họ mâu thuẫn từ khi nào thì tôi không rõ, chỉ được biết khi được mời tham gia hòa giải, thực tế hiện tại họ không còn chung sống với nhau, anh Y D đã về nhà cha mẹ sống.

**Người làm chứng ông Niê D1 trình bày:** Tôi có tham gia việc hai bên gia đình hòa giải mâu thuẫn cho vợ chồng anh D và chị H L, vợ chồng anh, chị có mâu thuẫn là có thật, đã nhiều lần mâu thuẫn và được hòa giải nhưng chị H L vẫn giữ ý kiến xin ly hôn, nội dung cụ thể đã được ghi trong biên bản giải quyết nội bộ của gia đình, ngoài ra tôi không có ý kiến khác.

**Người làm chứng ông Y H L1 Mlô trình bày:** Tôi là hàng xóm của anh Y D và chị H L, tôi có 02 lần tham gia khi hai bên gia đình hòa giải mâu thuẫn cho anh Y D và chị H L, họ đã chung sống với nhau hơn 20 năm, việc họ mâu thuẫn và mâu thuẫn ở mức độ nào thì tôi không thể đánh giá.

**Người làm chứng anh Y K1 Mlô trình bày:** Tôi là anh trai của anh Y D, anh Y D và chị H L có mâu thuẫn là đúng, đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng mức độ mâu thuẫn thì tôi không thể đánh giá được.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thể hòa giải đoàn tụ cho chị H L Niê và anh Y D Mlô.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký Tòa án từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy giữa chị H L Niê và anh Y D Mlô có mâu thuẫn trong quá trình chung sống là có thật, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hòa giải để đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận cho chị H L Niê được ly hôn với anh Y D Mlô.

Về con chung: Chị H L Niê yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là H L2 Niê, sinh ngày 23/11/2009 và Y Tr Niê, sinh ngày 06/3/2016 đến khi các con chung đủ 18 tuổi và anh Y D cũng đồng ý giao các con chung cho chị H L trực tiếp nuôi dưỡng nên cần chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị H L, buộc anh Y D Mlô cấp dưỡng cho 02 con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 3/2022 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Đối với con chung là Y Th2 Niê, sinh ngày 24/6/2001 đã đủ 18 tuổi các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H L Niê anh Y D không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Trường hợp có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về yêu cầu xin ly hôn: Chị H L Niê và anh Y D Mlô kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K vào ngày 25/02/2001, quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương sự, người làm chứng đều thể hiện trong thời gian chung sống giữa chị H L Niê và anh YD có mâu thuẫn tình cảm, đại diện của Ban thôn, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải, động viên nhưng anh Y D và chị H L vẫn không tìm được tiếng nói chung, thường hay cãi vã. Từ khoảng tháng 01/2021 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau trao đổi, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Chị H L xác định không còn tình cảm, kiên quyết xin ly hôn với anh Y D, tại phiên tòa anh Y D cũng thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng, lý do anh Y D không đồng ý ly hôn chủ yếu do chưa thống nhất được việc giải quyết về tài sản chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy trong thời kỳ hôn nhân giữa chị H L và anh Y D đã xảy ra mâu thuẫn là có thật và làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H L yêu cầu được ly hôn với anh Y D là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị H L Niê yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con là H L2 Niê, sinh ngày 23/11/2009 và Y Tr Niê, sinh ngày 06/3/2016 đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, cháu H L2 Niê có ý kiến mong muốn được ở với chị H L và anh Y D cũng đồng ý giao 02 con chung chưa thành niên cho chị H L trực tiếp nuôi dưỡng nên cần chấp nhận giao 02 con chung cho chị H L Niê trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ cần chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Y D không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng do chị H L đưa ra yêu cầu ly hôn thì chị H L phải có trách nhiệm nuôi con là không có căn cứ chấp nhận vì anh Y D không trực tiếp nuôi con nên cần buộc anh Y D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên là phù hợp quy định tại

khoản 2 Điều 82, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng: Căn cứ Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

*1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.*

*2. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.*

Thu nhập thực tế của anh Y D khoảng hơn 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử nhận thấy, chị H L yêu cầu anh Y D cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với khả năng, thu nhập thực tế của anh Y D và nhu cầu thiết yếu của 02 người con, nên cần buộc anh Y D cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng/tháng/02 người con, tương ứng 750.000 đồng/tháng cho một người con là phù hợp. Cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ tháng 3/2022 đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi, việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H L Niê và anh Y D Mlô không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét là phù hợp. Trong trường hợp các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5, điểm khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị H L Niê phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Y D Mlô phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 53, 54, Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H L Niê.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H L Niê được ly hôn với anh Y D Mlô.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu H L2 Niê, sinh ngày 23/11/2009 và Y Tr Niê, sinh ngày 06/3/2016 cho chị H L Niê được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Y D Mlô có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung với số tiền 750.000 đồng/tháng, tổng cộng là 1.500.000 đồng/tháng/02 người con, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 03/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con làm rụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con chung.*

*Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.*

Đối với con chung là Y Th2 Niê đã đủ 18 tuổi, chị H L Niê và anh Y D Mlô không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H L Niê, anh Y D Mlô không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Trường hợp có tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng mặt một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị H L Niê phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 60/AA/2021/0003693 ngày 15/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Y D Mlô phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký, đóng dấu)*

**Hoàng Văn Vân**

